TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày 07 tháng 02 năm 2023
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hằng.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Thu Yến.
2. Ông Nguyễn Tất Ái.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đinh Thị Thoảng - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Cẩm Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 621/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Quang B, sinh năm: 1991;
Địa chỉ: Số H, Tổ D, Ấp B, xã T, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.
2. Bị đơn: Chị Dương Thị Mộng D, sinh năm: 1989;
Địa chỉ: Số H, Tổ D, Ấp B, xã T, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.
Địa chỉ liên lạc: Tổ K, ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Anh B có mặt, chị D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 01/11/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phạm Quang B trình bày: Anh và chị Dương Thị Mộng D tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường S, thành phố M, tỉnh Tiền Giang vào ngày 20/11/2017. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cải vả do bất đồng quan điểm, mặc dù đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Năm 2022 mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 04/2022 cho

đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh những vấn đề như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh B yêu cầu được ly hôn với chị D.

Về con chung: có 01 con chung tên Phạm Dương Thiên P sinh ngày 31/10/2018. Sau khi ly hôn anh B yêu cầu giao con chung cho chị D nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai đề ngày 24/11/2022 bị đơn chị Dương Thị Mộng D trình bày: Chị thừa nhận có đăng ký kết hôn như anh B trình bày. Tuy nhiên chị không đồng ý ly hôn vì không muốn con cái sống thiếu cha mẹ. Giả sử Tòa án giải quyết ly hôn thì chị yêu cầu đươc nuôi con chung là cháu Phạm Dương Thiên P sinh ngày 31/10/2018, đề nghị anh B cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phạm Quang B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, về mức cấp dưỡng nuôi con, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật tố tụng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng yêu cầu khởi kiện của anh Bình là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh B được ly hôn với chị D; Về con chung giao cháu Phạm Dương Thiên P sinh ngày 31/10/2018 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ghi nhận việc anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Quang B và chị Dương Thị Mông D kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường S, thành phố M, tỉnh Tiền Giang vào ngày 20/11/2017. Ngày 01/11/2022 anh B khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị D đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hình thức và nội dung đơn khởi kiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị D cư trú tại số H, Tổ D, Ấp B, xã T, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

Bị đơn chị Dương Thị Mông D đã được Tòa án tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có mặt để dự phiên tòa mà không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị D theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Quang B và chị Dương Thị Mộng D được Ủy ban nhân dân Phường S, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật, xác định hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc. Đến năm 2022 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong lối sống hằng ngày. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2022 đến nay.

Xét thấy, từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử hôm nay, Tòa án đã triệu tập chị D đến để tham dự phiên toà, nhưng chị D vắng mặt không có lý do, nên không đưa ra được một biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng. Việc chị D không đến dự phiên toà là mặc nhiên từ bỏ cơ hội để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Hiện tại anh B trình bày không còn tình cảm, không muốn tiếp tục chung sống đời sống vợ chồng với chị D nên đã nộp đơn ly hôn và vẫn cương quyết ly hôn, cho thấy cuộc sống vợ chồng giữa anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh B theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 01 con chung tên là Phạm Dương Thiên P sinh ngày 31/10/2018. Cả anh B và chị D đề có nguyện vọng giao con chung cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Về mức cấp dưỡng nuôi con, anh B tự nguyện cấp dưỡng nuôi cno mỗi tháng 1.500.000 đồng phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Anh B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 92, 147, 189, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 8, 9, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 và 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Quang B.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Quang B được ly hôn với chị Dương Thị Mộng D.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Dương Thiên P sinh ngày 31/10/2018 chị Dương Thị Mộng D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh Phạm Quang B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Phạm Dương Thiên P tròn 18 tuổi lao động được.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người có nghĩa vụ thi hành án chậm thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí: Anh Phạm Quang B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 án phí cấp dưỡng nuôi con. Anh B đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0022890 ngày 01/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho. Do đó anh Phạm Quang B phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Quang B có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Dương Thị Mộng D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- Đương sự;
- UBND Phường S, TP Mỹ Tho;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Thúy Hằng